TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Huy Phong.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Cao Hoài Hiêm;
2. Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- **Thư ký phiên tòa**: ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:** ông Võ Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị M, sinh năm 1992; nơi ĐKHKTT: ấp HP, xã HH, huyện GR, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: khu phố AK, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh C, sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT: ấp HP, xã HH, huyện GR, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: khu phố AP, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị M trình bày:

Chị M và anh C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 1, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang, ngày 22-8-2012.

Chị M ở Hậu Giang còn anh C ở Kiên Giang. Năm 2008 anh C theo đạo Cao Đài tới tỉnh Hậu Giang đi lễ nên quen chị M. Năm 2010 chị M và anh C về chung

sống với nhau tại nhà anh C ở Kiên Giang. Đến năm 2012 về quê chị M ở Hậu Giang đăng ký kết hôn.

Từ năm 2012 chị M và anh C làm công nhân tại thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, thuê trọ sống tại nhà trọ NTY, tổ 17, khu phố AK, phường AT, thị xã TB. Cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh C thường xuyên ăn nhậu, sau khi ăn nhậu thì chửi bới. Đi làm anh C giữ tiền để chi tiêu riêng không chăm lo cho gia đình. Anh C có nhiều mối quan hệ ngoại tình với nhiều người con gái khác, chị M đã tha thứ cho anh C nhiều lần nhưng anh C không thay đổi.

Sau khi chị M nộp đơn xin ly hôn anh C chuyển ra ở riêng tại nhà trọ TH, đường AP4, khu phố AP, phường AH, thị xã TB, làm công nhận tại Công ty V; địa chỉ: Lô A, đường B, khu công nghiệp C, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, vợ chồng sống ly thân cho tới nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên chị M yêu cầu được ly hôn anh C.

Về con chung: có 02 con chung là cháu N, sinh ngày 04-11-2011 và cháu C, sinh ngày 05-12-2015. Hiện nay hai cháu đang sống cùng chị M tại nhà trọ NTY. Cháu N học lớp 6 Trường Trung học cơ sở ATh, cháu C học lớp 2 Trường tiểu học APK. Hai cháu học bán trú, sáng chị M đưa đi học, tối đi làm về chị M đón.

Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi 02 con chung. Vì từ khi sinh con tới nay chị M là người nuôi dưỡng chăm sóc các con, anh C không hề lo lắng gì cho các con, cũng không đưa tiền để chi tiêu, chăm sóc các con. Hai cháu Ng và C đều là con gái, còn nhỏ tuổi nên các cháu sống với chị M tiện chăm sóc các con. Anh C lăng nhăng cặp bồ, nên chị M không muốn các con sống cùng anh C.

Chị M có công việc và thu nhập ổn định (công nhân Công ty gỗ), lương 10.000.000 đồng/tháng, một mình chị M vẫn chăm sóc các con rất tốt. Nên chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh C trình bày:

Anh C và chị M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 1, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang, ngày 22-8-2012.

Sau khi kết hôn vợ chồng làm công nhân tại thị xã TB, tỉnh Tây Ninh cho tới nay. Hiện anh C ở tại nhà trọ TH, đường AP4, khu phố AP, phường AH, thị xã TB và làm công nhận tại Công ty V; địa chỉ: Lô A, đường B, khu công nghiệp C, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

Về hôn nhân: anh C đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: có 02 con chung là cháu N, sinh ngày 04-11-2011 và cháu C, sinh ngày 05-12-2015. Hiện nay hai cháu đang sống cùng chị M. Anh C làm công nhân lương tháng từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và chị M cũng làm công

nhân, một mình chị M không thể chăm sóc tốt cho hai con. Nên khi ly hôn anh C yêu cầu được nuôi một con chung và chị M nuôi một con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tống đạt thông báo, văn bản cho đương sự, giao thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định: cho chị M được ly hôn anh C; giao 02 con chung là cháu N và cháu C cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung không đặt ra giải quyết; chị M phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: chị M và anh C vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh C.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị M khởi kiện anh C hiện đang tạm trú tại khu phố AP, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh về việc xin ly hôn và yêu cầu được nuôi hai con chung.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: chị M và anh C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 1, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang, ngày 22-8-2012. Nên hôn nhân giữa chị M và anh C là hợp pháp.

Cuộc sống vợ chồng giữa chị M và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 tới nay. Từ khi sống ly thân anh C và chị M không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm, mạnh ai người đó sống không ai liên quan tới ai. Chị M xác định do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn anh C.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa chị M và anh C không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định trên.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh C trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ và anh C cũng đồng ý ly hôn với chị M. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh C.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung là cháu N, sinh ngày 04-11-2011 và cháu C, sinh ngày 05-12-2015. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi hai con chung, anh C yêu cầu mỗi người nuôi một con chung.

Xét điều kiện kinh tế của chị M và anh C là như nhau, cả hai làm công nhân có thu nhập ổn đinh, thuê trọ sống. Từ khi vợ chồng sống ly thân tới nay hai cháu N, C sống với chị M, các cháu được đi học đầy đủ, phát triển rất tốt về thể chất và tinh thần. Hai cháu N, C đều là con gái, còn nhỏ tuổi nên các cháu sống với chị M sẽ tiện chăm sóc hơn và hai cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng chị M vì chị M chăm lo tốt cho các cháu.

Do đó, để đảm bảo về điều kiện hoàn cảnh và sự phát triển bình thường của cháu N và C, nên giao hai cháu cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: chị M và anh C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: chị M và anh C trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị M là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh C.

1. Về hôn nhân: cho chị M ly hôn anh C.

2. Về con chung: giao 02 con chung là cháu N, sinh ngày 04-11-2011 và cháu C, sinh ngày 05-12-2015 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu; anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị M và anh C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: chị M và anh C trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: chị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026901 ngày 151 tháng 11 năm 2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

6. Chị M và anh C có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Tx Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Tx Trảng Bàng;
- UBND phường 1, Tp VT;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Huy Phong